

## PHỤ LỤC 1

### DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP VÀ NGÀNH PHẢI HỌC BỔ SUNG KIẾN THỨC

TT	Chuyên ngành đào tạo thạc sĩ	Ngành phù hợp	Ngành phải học bổ sung kiến thức	Các học phần bổ sung kiến thức (số tín chỉ) (Thí sinh phải học bổ sung toàn bộ hoặc một số học phần có tên dưới đây mà trong bảng điểm tốt nghiệp chưa có hoặc chưa đủ thời lượng)
1	Giáo dục học (tiểu học)	Cử nhân Giáo dục tiểu học	<p><b>Nhóm 1:</b> SP Toán, CN Toán (đã hoàn thành chương trình nghiệp vụ sư phạm)</p> <p><b>Nhóm 2:</b> SP Ngữ văn và các chuyên ngành CN Ngôn ngữ học, CN Văn học (đã hoàn thành chương trình nghiệp vụ sư phạm)</p> <p><b>Nhóm 3:</b> Tâm lý Giáo dục học, Giáo dục đặc biệt</p>	<p><b>Nhóm 1:</b> Tiếng Việt (3), PPDH Tiếng Việt (3), PPDH Khoa học (2), Tâm lý - giáo dục học tiểu học (3)</p> <p><b>Nhóm 2:</b> CS Toán học (3), PPDH toán (3) PPDH Khoa học (2), Tâm lý - giáo dục học tiểu học (3)</p> <p><b>Nhóm 3:</b> Tiếng Việt (3), PPDH Tiếng Việt (3), PPDH Khoa học (2), CS Toán học (3), PPDH toán (3), Tâm lý - giáo dục học tiểu học (3)</p>
2	Giáo dục học (mầm non)	Cử nhân Giáo dục mầm non	<p>- CN Tâm lý Giáo dục học, Giáo dục tiểu học, Giáo dục đặc biệt, GD công dân, GD thể chất, GD chính trị, ...</p> <p>- Các ngành sư phạm như: SP Toán, SP Ngữ văn, SP Lý, SP Lịch sử, SP Tin học, SP nghệ thuật,...</p>	Tâm lý học mầm non (2), Giáo dục học mầm non (2), Sinh lý học trẻ em (2), Phương pháp giáo dục khoa học cho trẻ mầm non (3), Phương pháp hình thành biểu tượng toán cho trẻ mầm non (3), Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ mầm non (2), Chăm sóc và vệ sinh trẻ em (2), Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non (3), Phương pháp giáo dục âm nhạc cho trẻ mầm non (2), Phương pháp tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ mầm non (2).
3	Sinh học thực nghiệm	CN Sinh học, SP Sinh học, SP Sinh - KTNN, SP Sinh - Hóa, CN Sinh - KTNN	SP KTNN, Nông nghiệp, Công nghệ Sinh học, Khoa học môi trường, Bảo vệ thực vật, Sinh y học và môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Cử nhân xét nghiệm, Kỹ thuật xét nghiệm y học, SP KTNN-KTGD, SP KTNN-KTCN-KTGD, SP Công nghệ, Khoa học cây trồng, Thú ý - chăn nuôi	Sinh lý học thực vật (3), Hóa sinh học (3), Tế bào học (2), Sinh học phân tử (2), Sinh lý học người và động vật (3)
4	Quản lý giáo dục	CN Quản lý giáo dục	<p>- CN các ngành Khoa học giáo dục (giáo dục học) và Đào tạo GV.</p> <p>- CN các ngành Tâm lý học: <i>Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục, Quản lý văn hoá.</i></p> <p>- CN các ngành Quản trị - Quản lý.</p> <p>- CN ngành Khoa học xã hội và hành vi: <i>Quản lý nhà nước.</i></p>	<p>- Tâm lý học (3)</p> <p>- Giáo dục học (3)</p> <p>- Đại cương về khoa học quản lý (3)</p> <p>- Đại cương về quản lý giáo dục (3).</p> <p><b>Lưu ý:</b> CN ngành Giáo dục học được miễn HP Giáo dục học (3).</p> <p>CN ngành Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục được miễn HP Tâm lý học (3).</p>

				<i>CN các ngành Quản trị - Quản lý được miễn HP Đại cương về KH quản lý (3).</i>
5	Lý luận văn học	CN Văn học, CNSP Ngữ văn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CN các ngành đào tạo GV: <i>SP Văn - Sư; SP Văn - Địa; SP Văn - GDCD</i></li> <li>- CN ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam: <i>Sáng tác văn học</i></li> <li>- CN các ngành Nhân văn (khác): <i>Văn hóa học, Ngôn ngữ học.</i></li> <li>- CN các ngành Khu vực học: <i>Việt Nam học, Đông phương học.</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn học Việt Nam (3)</li> <li>- Văn học nước ngoài (3)</li> <li>- Lí luận văn học 1 (Bản chất và đặc trưng văn học) (3)</li> <li>- Lí luận văn học 2 (Tác phẩm và thể loại văn học) (3)</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> <i>CN các ngành đào tạo đã có các học phần bổ sung trên (từ 02 tín chỉ trở lên) thì được miễn học bổ sung kiến thức.</i></p>
6	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn và Tiếng Việt	CNSP Ngữ văn, CN Văn học (đã hoàn thành chương trình nghiệp vụ sư phạm) CN Ngôn ngữ học (đã hoàn thành chương trình nghiệp vụ sư phạm)	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CN các ngành đào tạo GV: <i>SP Văn - Sư, SP Văn - Địa, SP Văn - GDCD</i></li> <li>- CN các ngành Nhân văn (khác): <i>Ngôn ngữ học, Văn học.</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn học Việt Nam hiện đại (2)</li> <li>- Ngôn ngữ học đại cương (2)</li> <li>- Lí luận văn học 1 (2)</li> <li>- Giáo dục học (2)</li> <li>- Tâm lý học (2)</li> <li>- Phương pháp dạy học Ngữ văn (2)</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> - <i>CN ngành Ngôn ngữ học được miễn HP Ngôn ngữ học đại cương (2).</i> - <i>CN Ngành Văn học được miễn HP Văn học Việt Nam hiện đại (2) và Lí luận văn học 1 (2)</i> - <i>CN các ngành đào tạo GV được miễn HP Giáo dục học (2), Tâm lý học (2)</i></p>
7	Văn học Việt Nam	CN Văn học, CNSP Ngữ văn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CN các ngành đào tạo GV: <i>SP Văn - Sư; SP Văn - Địa; SP Văn - GDCD</i></li> <li>- CN các ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam: <i>Tiếng Việt và văn hóa Việt Nam, Hán Nôm, Sáng tác văn học, Văn hóa các dân tộc thiểu số Việt Nam</i></li> <li>- CN ngành Nhân văn (khác): <i>Văn hóa học.</i></li> <li>- CN các ngành Khu vực học: <i>Việt Nam học, Đông phương học.</i></li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn học dân gian (3)</li> <li>- Văn học trung đại (3)</li> <li>- Văn học Việt Nam hiện đại (3)</li> <li>- Lí luận văn học 1 (3)</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> <i>CN các ngành đào tạo đã có các học phần bổ sung trên (từ 02 tín chỉ trở lên) thì được miễn học bổ sung kiến thức.</i></p>
8	Vật lý lý thuyết và Vật lý toán	CN Vật lý, SP Vật lý - KTCN, SP Vật lý – Tin học, SP Vật lý	Vật lý kỹ thuật, Khoa học vật liệu, Công nghệ hạt nhân, Khoa học tự nhiên, Thiên văn học, Vật lý nguyên tử và hạt nhân, Khoa học trái đất, Địa chất học, Hải dương học, Toán cơ, Khí tượng và khí hậu học, Vật lý y khoa, Vật lý kỹ thuật và điện tử, Vật lý-môi trường, Vật lý ứng dụng, Kỹ thuật y sinh.	Vật lý lý thuyết (5), Lý thuyết chất rắn (4), Toán cho Vật lý (4), Phương pháp toán lý (3)
9	Toán giải tích	SP Toán, CN Toán	SP Toán - Tin, SP Toán - Lý, CN Toán - Tin, CN Toán - Cơ, Toán kinh tế, Toán tài chính	Đại số tuyến tính, Đại số đại cương Giải tích hàm, Xác suất - thống kê (hoặc các môn tương đương).

10	Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Hóa học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CNSP Hóa.</li> <li>- CN Hóa (đã học chương trình nghiệp vụ sư phạm ngành Hóa học).</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- CN các ngành đào tạo GV: SP Hóa - Sinh, SP Hóa - Lý, SP Sinh - Hóa, SP Lý - Hóa. ... .</li> <li>- CN Hóa, CN Hóa - Sinh, CN Hóa - Lý, CN Hóa môi trường, ... (đã hoàn thành chương trình NVSP chung)</li> </ul>	Cơ sở lý thuyết hóa vô cơ (2), Cơ sở lý thuyết hóa hữu cơ (2), Điện hóa học (2), Hóa học lượng tử (2), Hóa học phân tích định lượng (2), Phân tích lý hóa (2), Phương pháp dạy học Hóa học (2)
11	Lịch sử Việt Nam	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lịch sử</li> <li>- Sư phạm Lịch sử</li> </ul>	<p>Giáo dục Công dân; Giáo dục Chính trị; Giáo dục Quốc phòng – An ninh; Sư phạm Ngữ văn; Sư phạm Địa lý; Giáo dục Tiểu học; Giáo dục Mầm non; Triết học; Chủ nghĩa xã hội khoa học; Tôn giáo học; Ngôn ngữ học; Văn học; Văn hóa học; Quản lý văn hóa; Chính trị học; Ngôn ngữ Anh; Ngôn ngữ Trung Quốc; Ngôn ngữ Pháp; Xây dựng Đảng và chính quyền nhà nước; Quản lý nhà nước; Quan hệ quốc tế; Xã hội học; Nhân học; Tâm lý học; Tâm lý học giáo dục; Địa lý học; Việt Nam học; Quốc tế học; Thông tin thư viện; Báo chí; Nhân học</p> <p>Ghi chú: ngoài những ngành nêu trên sẽ xem xét từng trường hợp cụ thể.</p>	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nhập môn sử học và phương pháp luận sử học (2 TC)</li> <li>2. Lịch sử Việt Nam cổ trung đại (2 TC)</li> <li>3. Lịch sử Việt Nam cận đại (2 TC)</li> <li>4. Lịch sử Việt Nam hiện đại (2 TC)</li> <li>5. Lịch sử thế giới cổ trung đại (2 TC)</li> <li>6. Lịch sử thế giới cận đại (2 TC)</li> <li>7. Lịch sử thế giới hiện đại (2 TC)</li> </ol>